

**TẬP ĐOÀN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3166**/EVN-KH
V/v công bố thông tin về kết
quả thực hiện KH 2018 và 3
năm 2016-2018 của EVN.

Hà Nội, ngày **20** tháng **6** năm 2019

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện quy định tại Điều 14 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 3 năm gần nhất của EVN để Bộ KH&ĐT công bố thông tin theo quy định.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBQLVNN tại DN;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Các PTGD;
- Ban TT;
- Lưu: KH.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Đình Nhân

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ 03 NĂM 2016 - 2018 CỦA EVN

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2018

1. Về sản xuất điện và cung ứng điện

Trong giai đoạn 2016-2018, EVN đã đảm bảo cung ứng điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, sinh hoạt của nhân dân và phục vụ các sự kiện chính trị xã hội quan trọng, đặc biệt đã cấp điện an toàn ổn định cho Hội nghị cấp cao APEC 2017.

- Tổng sản lượng điện sản xuất và mua của EVN 3 năm 2016-2018 là 583,04 tỷ kWh, tăng trưởng bình quân 10,06%/năm.

- Tổng sản lượng điện thương phẩm cung cấp cho đất nước giai đoạn 2016-2018 là 526,8 tỷ kWh, tốc độ tăng trưởng bình quân là 10,2%. Năm 2018 sản lượng điện thương phẩm đạt 192,36 tỷ kWh, trong đó điện cung cấp cho Công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 55,0%; Quản lý tiêu dùng: 32,4%; Thương nghiệp Dịch vụ: 5,6%; Nông lâm - Nông nghiệp: 2,8%; Các thành phần khác: 4,2%. Tổng số khách hàng sử dụng điện tính đến cuối năm 2018 là 27,02 triệu khách hàng, tăng 4,5% so với năm 2017.

Bảng: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Điện sản xuất và mua, Điện thương phẩm

Đơn vị: triệu kWh

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	3 năm 2016-2018	B. quân 2016-2018
1	Điện SX và mua của EVN	177.234	192.914	212.895	583.043	194.348
	Tốc độ tăng (%)	10,99	8,85	10,36		10,06%
2	Điện thương phẩm	159.793	174.652	192.360	526.805	175.602
	Tốc độ tăng (%)	11,21	9,30	10,14		10,21%

- Hoạt động chỉ đạo điều hành sản xuất, vận hành hệ thống điện và thị trường điện đã bám sát nhu cầu phụ tải, khai thác tối ưu các nhà máy điện trong hệ thống. Công tác điều hành các nhà máy thủy điện đã đảm bảo phát điện, đáp ứng tốt nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp, đẩy mặn và dân sinh, trong đó đã cấp 5,74 tỷ m³ nước phục vụ đồ ải, gieo cấy lúa vụ Đông Xuân cho đồng bằng và trung du Bắc Bộ; Trong các đợt mưa lũ đã chấp hành nghiêm chỉ đạo của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Trung ương và các tỉnh, vận hành tuyệt đối an toàn công trình, thực hiện điều tiết các hồ cắt, giảm lũ hiệu quả để bảo vệ hạ du.

- Độ tin cậy cung cấp điện năm 2018 tăng đáng kể so với năm 2017. Tính chung toàn EVN tổng thời gian mất điện của khách hàng bình quân (SAIDI) là 724 phút, giảm 30% so với năm 2017 (1.028,8 phút); Tần suất mất điện kéo dài bình quân (SAIFI) là 4,97 lần/khách hàng, giảm 29%; Tần suất mất điện thoáng qua bình quân (MAIFI) là 0,78 lần/khách hàng, giảm 15%.

- EVN đã thực hiện nhiều biện pháp về kỹ thuật và quản lý kinh doanh để giảm tỷ lệ tổn thất điện năng. Đến cuối năm 2016, tổn thất điện năng của hệ thống điện Việt Nam là 7,57% và đến năm 2018 giảm còn 6,83%, về đích trước 1 năm so với lộ trình giảm tổn thất 5 năm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Như vậy trong 3 năm từ 2016 đến 2018, tổn thất điện năng giảm được 0,74%, bình quân mỗi năm giảm 0,25%/năm.

2. Về đầu tư xây dựng các công trình nguồn và lưới điện

Giai đoạn 2016-2018, công tác đầu tư xây dựng của EVN gặp nhiều khó khăn vướng mắc, đặc biệt trong công tác chuẩn bị đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng và thu xếp vốn. Tuy nhiên EVN cùng các đơn vị đã nỗ lực phấn đấu để đạt kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Nhiều công trình điện hoàn thành, đưa vào vận hành kịp thời, phát huy hiệu quả cao.

Trong 3 năm 2016-2018, EVN đã đầu tư phát triển nguồn điện và lưới điện với tổng số vốn là 348.967 tỷ đồng. Hoàn thành đưa vào phát điện 16 tổ máy thuộc 8 dự án với tổng công suất 4.540 MW; hoàn thành 783 công trình lưới điện 110-500 kV.

a. Về đầu tư nguồn điện

- Các tổ máy phát điện đưa vào vận hành phát điện giai đoạn 2016-2018 gồm:
+ Năm 2016: 5 tổ máy / 2.305MW, gồm: TĐ Lai Châu - TM2,3 (2x400MW); TĐ Huội Quảng TM2 (260MW); NĐ Duyên Hải 3 (2x622,5MW), trong đó TĐ Lai Châu đã hoàn thành vượt trước 01 năm so với tiến độ Quốc hội giao, công trình đã khánh thành ngày 20/12/2016.

+ Năm 2017: 9 tổ máy / 2.135MW, gồm: NĐ Vĩnh Tân 4 (2x600MW), NĐ Thái Bình (2x300MW), TĐ Trung Sơn (4x65MW), TĐ Thác Mơ MR (75MW).

+ Năm 2018: 2 tổ máy / 100MW TĐ Sông Bung 2 (2x50MW).

- Các dự án nguồn điện cấp bách cấp điện miền Nam như NĐ Vĩnh Tân IV MR, NĐ Duyên Hải III MR đang khẩn trương thực hiện với mục tiêu phát điện năm 2019. Hiện EVN đang hoàn thiện các thủ tục liên quan và phối hợp địa phương giải quyết các vướng mắc về GPMB với mục tiêu khởi công NĐ Quảng Trạch I trong năm 2019; đã trình cấp thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (PreFS) các dự án NĐ Ô Môn III&IV, NĐ Dung Quất 1&3, TĐ Trị An mở rộng và

phê duyệt FS các dự án TĐ Hòa Bình MR, TĐ Ialy MR; Đã trình Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng TTĐL Tân Phước.

- Ngoài ra, EVN và các đơn vị đang tích cực tham gia đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo. EVN đang triển khai lựa chọn nhà thầu EPC cho các dự án DMT Phước Thái 1, Sê San 4 (dự kiến khởi công năm 2019).

b. Về đầu tư lưới điện

Hệ thống lưới điện truyền tải và phân phối được đầu tư với khối lượng lớn đã đáp ứng yêu cầu đầu nối giải tỏa công suất các dự án nguồn điện và tăng cường năng lực truyền tải của toàn hệ thống. Riêng năm 2018 EVN đã hoàn thành 253 công trình lưới điện (9 công trình 500kV, 43 công trình 220kV, 201 công trình 110kV) với tổng khối lượng các công trình hoàn thành đạt gần 4.000km đường dây và công suất TBA là 20.150 MVA. Trong đó bao gồm các dự án đảm bảo cấp điện miền Nam như: Nâng CS trạm 500kV Tân Định, các ĐD 220kV Long Phú-Sóc Trăng, Long Phú-Cần Thơ-Trà Nóc, Cải tạo ĐD 220kV Long An-Cai Lậy...; Các TBA 220kV Cần Thơ, Bến Cát, Sa Đéc, Cần Đước... Nâng công suất các TBA 220kV Vũng Tàu, Uyên Hưng, Đức Hòa, TP Nhơn Trạch...; các công trình lưới điện quan trọng cấp điện cho TP Hà Nội và các khu kinh tế trọng điểm miền Bắc. Đã khởi công 223 công trình lưới điện (gồm: 15 công trình 500kV, 26 công trình 220kV và 182 công trình 110kV), trong đó có các công trình quan trọng như: ĐD 500kV Vũng Áng-Dốc Sỏi-Pleiku 2, Tây Hà Nội-Thường Tín, Nho Quan-Phủ Lý-Thường Tín, ĐD 220kV Kiên Bình - Phú Quốc...

3. Về công tác kinh doanh và dịch vụ khách hàng

Theo Báo cáo Doing Business 2019 (DB2019), chỉ số tiếp cận điện năng năm 2018 của Việt Nam xếp thứ 27/190 quốc gia, nền kinh tế trên thế giới (tăng 37 bậc so với năm 2017), hoàn thành trước 2 năm mục tiêu của Chính phủ là ngang bằng các nước ASEAN4, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam trong bối cảnh nhiều chỉ số đánh giá thành phần khác giảm mạnh. Như vậy, trong giai đoạn từ năm 2013-2018, chỉ số tiếp cận điện năng của Việt Nam đã cải thiện thứ bậc xếp hạng đáng kể từ vị trí 156 lên 27, số thủ tục giảm từ 6 còn 4, số ngày giảm từ 115 còn 31 ngày, độ tin cậy cung cấp điện và minh bạch giá điện đã ngang bằng các nước phát triển.

Mức độ hài lòng khách hàng sử dụng điện toàn EVN đạt 8,11/10 điểm, tăng 0,14 điểm so với năm 2017. Công tác kinh doanh và dịch vụ khách hàng tiếp tục có chuyển biến tốt, đa dạng các kênh cung cấp dịch vụ theo hướng áp dụng công nghệ thông tin và cung cấp các dịch vụ điện trực tuyến. EVN đã cung cấp 100% dịch vụ trực tuyến qua 05 Website CSKH của các Trung tâm chăm sóc khách hàng, đồng thời thực hiện kết nối cung cấp dịch vụ điện tại Trung tâm hành chính công và Cổng

thông tin dịch vụ công trực tuyến tại 63/63 tỉnh/TP.

Ngày 21/12/2018, EVN chính thức công bố cung cấp các dịch vụ điện trực tuyến lên cấp độ 4, đây là cấp độ cao nhất trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ.

4. Về công tác đầu tư cấp điện cho nông thôn, hải đảo và tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn

- Công tác đầu tư cấp điện nông thôn, miền núi tiếp tục được chú trọng, đặc biệt khu vực chưa có điện. Bên cạnh nguồn vốn ngân sách nhà nước, các TCTĐL đã chủ động thu xếp các nguồn vốn để đầu tư cấp điện cho hơn 19.700 hộ dân chưa có điện tại địa bàn khó khăn thuộc các tỉnh Sơn La, Thái Nguyên, Quảng Nam... Đặc biệt tháng 7/2018, EVN đưa điện lưới đến 02 xã cuối cùng chưa có điện trên cả nước (xã Ch'ôm và Tr'Hy huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam).

Tính đến cuối năm 2018, số xã có điện trên cả nước đạt 100% và số hộ dân được sử dụng điện đạt 99,37%, trong đó số hộ dân nông thôn có điện đạt 99,05%.

- Về cấp điện hải đảo: EVN đã đảm nhận cấp điện cho 11/12 huyện đảo trên cả nước (trừ huyện đảo Hoàng Sa). Trong năm 2018, EVN và các TCTĐL hoàn thành cấp điện xã đảo Hòn Thơm (Kiên Giang), tiếp tục đầu tư cải tạo nâng cấp hệ thống cấp điện tại huyện đảo Cồn Cỏ, huyện đảo Trường Sa và nhà giàn DK1 đáp ứng nhu cầu điện phục vụ đời sống của bộ đội và nhân dân trên huyện đảo.

5. Về công tác cổ phần hóa (CPH) và thoái vốn

Giai đoạn 2016-2018, EVN đã tích cực triển khai các nội dung Đề án tổng thể sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc EVN giai đoạn 2017-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 852/QĐ-TTg ngày 14/6/2017 đã được những kết quả trong công tác cổ phần hóa và thoái vốn như sau:

a) Công tác cổ phần hóa (CPH)

- CPH Tổng công ty Phát điện 3: đã thành bán cổ phần lần đầu và chuyển Tổng công ty Phát điện 3 sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2018. EVN đã hoàn thành Hồ sơ quyết toán CPH trình Ủy ban Quản lý vốn nhà nước (UBQLV) và UBQLV đã có công văn số 256/UBQLV-NL báo cáo Thủ tướng Chính phủ về quyết toán CPH EVNGENCO3.

- CPH Tổng công ty Phát điện 2: trên cơ sở ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ, UBQLV đã có Quyết định số 282/QĐ-UBQLV ngày 28/12/2018 về việc CPH Công ty mẹ - EVNGENCO2, theo đó thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0h ngày 01/01/2019. Hiện đơn vị đang triển khai các bước để cổ phần hóa theo quy định.

- CPH Tổng công ty Phát điện 1: Trên cơ sở đề xuất của EVN, UBQLV đã có văn bản số 350/UBQLV-NL ngày 13/12/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - EVNGENCO1 là

0h ngày 01/01/2020. Hiện Văn phòng Chính phủ đã lấy ý kiến các Bộ Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương và Tư pháp về nội dung này và đã có VB số 2251/VPCP-ĐMDN ngày 21/3/2019 yêu cầu UBQLV tiếp thu, giải trình ý kiến các Bộ và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc bàn giao Dự án NM Duyên Hải 3MR trước ngày 28/3/2019. Ngày 11/4/2019, EVN đã có báo cáo, giải trình UBQLV tại VB số 1880/EVN-QLV. Hiện nay, UBQLV đang tổng hợp ý kiến của các Bộ và EVN trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Thoái vốn

Thực hiện Quyết định số 852, giai đoạn từ năm 2017-2020 EVN phải hoàn thành thoái toàn bộ vốn tại 06 CTCP. Trong Quý I/2018, EVN đã hoàn thành thoái vốn tại CTCP Cơ điện Thủ Đức (40,05% vốn điều lệ), thu về 77,51 tỷ đồng, thặng dư 31,56 tỷ đồng.

EVN đã báo cáo danh mục thoái vốn giai đoạn 2019-2020 trình UBQLV và UBQLV đã có văn bản số 266/UBQLV-NL ngày 15/3/2019 giao HĐTV xem xét, quyết định phương án chuyển nhượng vốn của EVN tại 5 CTCP là Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP, Công ty Tài chính cổ phần Điện lực, CTCP Phong điện Thuận Bình, CTCP Tư vấn xây dựng điện 3,4. Hiện EVN đang triển khai công tác thoái vốn theo quy định.

6. Về công tác an sinh xã hội

Trong năm 2018, Tập đoàn và các đơn vị đã thực hiện nhiều hoạt động an sinh xã hội có ý nghĩa thiết thực, đã hỗ trợ các công trình và các hoạt động an sinh xã hội với tổng giá trị khoảng 174,6 tỷ đồng, bao gồm:

- Hỗ trợ một số địa phương xây dựng trường học với tổng giá trị 25,6 tỷ đồng, hỗ trợ trang bị thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh cho bà con nhân dân vùng sâu, vùng xa với giá trị hơn 1 tỷ đồng; hỗ trợ việc trang bị, sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện năng lượng mặt trời tại các điểm đảo thuộc huyện đảo Trường Sa với giá trị 59,8 tỷ đồng.

- Hỗ trợ khắc phục hậu quả của thiên tai, bão lụt ở nhiều địa phương với giá trị 11,5 tỷ đồng; Trao tặng nhà tình nghĩa cho các gia đình chính sách với giá trị hơn 19,7 tỷ đồng; Thực hiện các hoạt động phụng dưỡng 124 Mẹ Việt Nam Anh hùng, hỗ trợ ủng hộ gia đình và các đối tượng chính sách, gia đình có công với cách mạng, xây dựng mái ấm công đoàn, hỗ trợ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn gần 56 tỷ đồng.

Trong tháng Tri ân Khách hàng 12/2018, các đơn vị thuộc Tập đoàn đã thực hiện: Sửa chữa và lắp đặt điện miễn phí cho hơn 16.000 hộ gia đình nghèo và gia đình chính sách trên toàn quốc, chương trình lắp đặt miễn phí điện mặt trời áp mái cho hơn 100 đối tượng là các trường học và một số hộ gia đình chính sách, bảo dưỡng miễn phí cho hàng trăm trạm biến áp của các khách hàng lớn...

7. Về công tác bảo vệ môi trường

- Tập đoàn và các đơn vị thực hiện nghiêm túc Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) và các quy định liên quan; Tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn, qui chuẩn quốc gia về môi trường. Chủ động và tích cực phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm tra, giám sát công tác BVMT cũng như đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến hoạt động BVMT.

- EVN cũng tổ chức các hội nghị, hội thảo bàn tròn với các chuyên gia, các Tổ chức phi chính phủ về các chủ đề liên quan đến: phát triển năng lượng tái tạo, chia sẻ kinh nghiệm BVMT trong EVN, hướng tới áp dụng các kinh nghiệm ưu việt của quốc tế trong công tác BVMT.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đảm bảo môi trường cho các nhà máy điện và trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó tiếp tục rà soát hiện trạng các thiết bị bảo vệ môi trường và triển khai các dự án cải tạo, nâng cấp để cải thiện các chỉ tiêu môi trường đối với các NMNĐ than hiện hữu.

- Tăng cường triển khai kết nối, cung cấp thông tin đo đạc chất lượng môi trường của các nhà máy điện về hệ thống quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh để công bố công khai đến cộng đồng dân cư địa phương. Hiện nay EVN cũng đang triển khai tích hợp việc kết nối các số liệu quan trắc giám sát trực tuyến này với phần mềm PMIS quản lý vận hành các NMĐ.

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018
1	Sản lượng điện sản xuất và mua	Tr. kWh	177.234	192.914	212.895
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	159.793	174.652	192.360
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	277.693	299.346	343.346
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5.165	8.144	9.076
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	16.528	19.992	25.110
6	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	133.447	118.232	97.288
	- Nguồn ngân sách	“	507	215	206
	- Vốn vay	“	66.267	48.921	28.718
	- Vốn khác	“	66.673	69.096	68.364
7	Tổng lao động	Người	103.946	102.628	99.786
8	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	18.915	19.919	21.145

II. Tình hình đầu tư tại các công ty con

Tính đến 31/12/2018, tổng số vốn EVN đầu tư tại các công ty con là 137.483 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư của EVN tại 09 Công ty TNHH MTV 100% vốn EVN là 126.548 tỷ đồng (bao gồm: vốn tại 03 đơn vị phát điện là 34.871 tỷ đồng; vốn tại Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia là 24.700 tỷ đồng; vốn tại 05 Tổng công ty Điện lực là 66.977 tỷ đồng)

- Vốn đầu tư của EVN tại các công ty cổ phần EVN giữ trên 50% vốn điều lệ (Tổng công ty Phát điện 3 và 3 Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện) là 10.935 tỷ đồng.

Chi tiết vốn đầu tư của EVN tại các công ty con tại Biểu số 2 kèm theo.

BIỂU SỐ 2
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ - EVN NẴM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Ước thực hiện năm 2019		
		Vốn điều lệ (tỷ đ)	Tỷ lệ vốn góp của EVN (%)	Tổng vốn đầu tư (tỷ đ)	Vốn điều lệ (tỷ đ)	Tỷ lệ vốn góp của EVN (%)	Tổng vốn đầu tư (tỷ đ)	Vốn điều lệ (tỷ đ)	Tỷ lệ vốn góp của EVN (%)	Tổng vốn đầu tư (tỷ đ)	Vốn điều lệ (tỷ đ)	Tỷ lệ vốn góp của EVN (%)	Tổng vốn đầu tư (tỷ đ)
I	Các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)												
1	Tổng công ty Phát điện 1	17.052	100%	15.466	19.020	100%	19.020	19.020	100%	22.617	23.079	100%	23.079
2	Tổng công ty Phát điện 2	11.702	100%	11.507	11.844	100%	11.843	11.844	100%	12.133	11.844	100%	11.844
3	Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia	24.160	100%	24.003	24.596	100%	24.081	25.013	100%	24.700	25.013	100%	24.974
4	Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	17.104	100%	19.226	20.905	100%	19.882	20.905	100%	20.413	20.905	100%	21.935
5	Tổng công ty Điện lực Miền Trung	7.810	100%	7.996	12.788	100%	8.214	12.788	100%	8.868	12.788	100%	9.833
6	Tổng công ty Điện lực Miền Nam	12.357	100%	15.207	15.870	100%	15.720	15.870	100%	16.155	15.870	100%	17.053
7	Tổng công ty Điện lực TP. Hà Nội	5.385	100%	7.334	9.892	100%	9.584	9.892	100%	10.029	9.892	100%	11.004
8	Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	7.318	100%	10.159	11.372	100%	10.893	11.372	100%	11.512	11.372	100%	12.212
9	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (*)							121	100%	121	121	100%	121
II	Các công ty con do EVN nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)												
1	Tổng công ty Phát điện 3	12.618	100%	12.618	12.618	100%	12.618	10.699	99,19%	10.613	10.699	99,19%	10.613
2	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	266,9	54,3%	145,0	266,9	54,3%	145,0	266,9	54,3%	145,0	266,9	54,3%	145,0
3	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2	50,9	51,3%	26,2	58,6	51,3%	30,1	123,1	51,3%	63,2	147,7	51,3%	75,7
4	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4	146,0	71,6%	104,5	146,0	71,6%	104,5	158,3	71,6%	113,3	158,3	71,6%	113,3

Ghi chú:

- (*): Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức chuyển từ Tổng công ty Phát điện 3 về EVN từ 01/01/2018.

- Vốn điều lệ các năm theo thời điểm HĐTV EVN phê duyệt vốn điều lệ cho các Tổng công ty.

Vốn điều lệ năm 2017, 2018 của các Tổng công ty là vốn điều HĐTV EVN phê duyệt đến hết năm 2018 (EVN không phê duyệt vốn điều lệ từng năm). Hiện EVN đang xem xét điều chỉnh vốn điều lệ các Tổng công ty Điện lực cho đến hết năm 2020.

- Tổng vốn đầu tư: là chỉ tiêu vốn Nhà nước (EVN) tại các Tổng công ty bao gồm nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu (TK 411), quỹ đầu tư phát triển (TK 414), nguồn vốn xây dựng cơ bản (TK 441)